

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐẠO TIN LÀNH CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN MINH

Tây Nguyên là khu vực hiện tồn nhiều tôn giáo tín ngưỡng nhất của nước ta. Ngoài các tín ngưỡng truyền thống đang còn được các cư dân tại chỗ và mới đến thực hành, như: hồn linh giáo, đa thần giáo, ma thuật,... còn có các tôn giáo mang tính thế giới, như: Công giáo, Tin Lành, Phật giáo, Hồi giáo, và các tôn giáo trong nước như Cao Đài và Hoà Hảo. Bên cạnh đó, một số hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện có nguồn gốc ở trong và ngoài nước cũng đã xâm nhập vào Tây Nguyên, như đạo Vàng Chử của người Hmông, đạo Thập Hùng của người Dao, đạo Thanh Hải vô thượng sư,... Trong đó, các tôn giáo lớn cũng chia thành nhiều giáo phái và hệ phái khác nhau; mỗi giáo phái và hệ phái thường có một số điểm khác biệt trong giáo lý, giáo luật, cách thực hành tôn giáo và chú ý đến các vấn đề xã hội văn hoá khác nhau. Điều này, cùng với sự đa dạng về tộc người của Tây Nguyên hiện nay, một mặt đã tạo nên bức tranh đa dạng về văn hoá, nhưng mặt khác cũng đang gây ra những vấn đề bức xúc trong vùng, mà một trong những vấn đề đó là mối quan hệ dân tộc và tôn giáo tín ngưỡng trong bối cảnh chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội của Tây Nguyên hiện nay.

1. Thực trạng đạo Tin Lành ở Tây Nguyên

Trong các tôn giáo tín ngưỡng ở Tây Nguyên nêu ở trên, đạo Tin Lành ngày càng phát triển mạnh mẽ, nhất là từ sau khi có chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Theo thống kê chưa đầy đủ, trước năm 1975, tín đồ Tin Lành ở miền Nam nước ta có khoảng 200.000 người, trong đó Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải miền Trung có khoảng từ 60.000 đến 70.000 tín đồ, riêng các tỉnh Tây Nguyên ước khoảng 38.965 người (Kon Tum - 2.500, Gia Lai - 8.465, Đăk Lăk - 11.000, Lâm Đồng - 17.000). Từ năm 1975 đến năm 1986, do nhiều lý do khác nhau, đạo Tin Lành nói chung và số lượng tín đồ nói riêng có xu hướng giảm đi. Tuy nhiên, từ sau năm 1986, đạo tái hoạt động trở lại mạnh mẽ và số

lượng tín đồ ngày càng tăng lên nhanh chóng. Năm 1998, Tây Nguyên đã có khoảng 210.415 tín đồ Tin Lành. Năm 1999, theo báo cáo của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, tổng số tín đồ đạo Tin Lành ở Tây Nguyên là 244.769 người, chiếm khoảng 59,68% tín đồ Tin Lành cả nước. Riêng tỉnh Đăk Lăk, đồng bào Ê đê theo Tin Lành chiếm khoảng 33,66% số dân Ê đê, người M'nông theo Tin Lành chiếm 42% số dân M'nông. Còn tại tỉnh Gia Lai, có 128/171 tổng số xã trong tỉnh có người theo Tin Lành. Đến năm 2001, Tây Nguyên đã có khoảng 305.000 tín đồ Tin Lành (so với 509.000 tín đồ Tin Lành trên cả nước), trong đó có khoảng 243.018 là người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên. Tháng 3 năm 2001, chỉ riêng 3 tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đăk Lăk có 326/525 xã và 1.089 buôn làng của người dân tộc tại chỗ có người theo đạo Tin Lành. Năm 2004, số tín đồ Tin Lành là người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên ước tính đã tăng lên đến 286.213 người (Kon Tum - 10.361, Gia Lai - 70.956, Đăk Lăk - 108.341, Đăk Nông - 28.005, Lâm Đồng - 68.550) [Số liệu của Ban chỉ đạo Tây Nguyên năm 2004]. Đạo Tin Lành đã có mặt tại 1.958 làng và điểm nhóm, trong đó tỉnh Đăk Lăk có 600, Đăk Nông có 468, Gia Lai có 302, Lâm Đồng có 521 và Kon Tum có 67 [Nguyễn Thanh Xuân 2004]. Đến năm 2005, Tây Nguyên có khoảng 308.683 tín đồ, trong đó tín đồ là người dân tộc thiểu số khoảng 288.099 người, chiếm 88,93% số tín đồ trong vùng [Số liệu của Ban chỉ đạo Tây Nguyên năm 2006] ¹.

¹ Tuy nhiên, cũng cần chú ý rằng, số lượng tín đồ nói trên được thống kê từ nhiều nguồn khác nhau và chưa hoàn toàn chính xác, bởi số tín đồ chính thức (đã được làm lễ Báp Têm) không nhiều; một bộ phận dân cư mới theo đạo chưa làm lễ Báp Têm và cả con cái của họ, thậm chí là trẻ mới đẻ cũng được thống kê là tín đồ. Số lượng tín đồ cũng không ổn định như các tôn giáo khác, do một bộ phận vào đạo theo phong trào, sau một thời gian dần nhạt đạo và tự bỏ sinh hoạt, khi đó con cái còn nhỏ của họ cũng không còn được coi là theo đạo nữa.

Không chỉ phát triển về số lượng, đạo Tin Lành còn có xu hướng phát triển mạnh và lan rộng đến các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng cũ. Đối tượng tham gia chủ yếu là người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên, trong đó tập trung là lứa tuổi trung niên và thanh niên, bộ phận dân cư đang và sẽ có nhiều ảnh hưởng đối với Tây Nguyên hiện nay và những năm tới. Một số đảng viên, cán bộ chính quyền và đoàn thể của địa phương cấp xã thôn, giáo viên, bộ đội xuất ngũ, già làng,... cũng theo đạo Tin Lành. Điều đó cho thấy, đạo Tin Lành không chỉ phát triển về số lượng mà còn cả về chất lượng, ở những địa bàn và đối tượng chiến lược của Tây Nguyên.

Thực tế trên cho thấy, quan điểm hiện đang tồn tại trong tư duy của nhiều người cả trong và ngoài nước hiện nay là: *Sự phát triển của đạo Tin Lành hiện nay ở Tây Nguyên nói riêng và một số vùng khác của nước ta hiện nay là sự trở lại đạo* [Oscar Saleminck 2002], cần phải được xem xét lại một cách thấu đáo, để từ đó có cách tiếp cận đúng hơn đối với đạo Tin Lành hiện nay. Theo ý kiến của riêng tôi, đây là sự phát triển mạnh của đạo Tin Lành trong giai đoạn mới, trong đó có sự trở lại đạo của bộ phận tín đồ trước năm 1975. Điều này được minh chứng rất rõ qua các cứ liệu cụ thể sau đây:

Thứ nhất, trước năm 1975, đạo Tin Lành được coi là "thời kỳ hoàng kim" ở miền Nam nước ta, có điều kiện phát triển hết sức thuận lợi vì được sự trợ giúp đến mức thừa thãi cả về vật chất lẫn tinh thần của Tin Lành Mỹ, Tin Lành thế giới, các cơ quan quân sự và dân sự của Mỹ, và cả chính quyền Việt Nam cộng hoà. Việc truyền đạo trong thời kỳ này mang tính tổng lực, rộng lớn [Viện Nghiên cứu tôn giáo, 2005] cả trong quân đội và bên ngoài, nhưng chỉ phát triển tập trung ở một số địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, miền Trung và Đông Nam Bộ. Sau năm 1975, đạo Tin Lành hoạt động bình đẳng như các tôn giáo khác, thậm chí đôi

nơi và đôi lúc do nhiều lý do khách quan và chủ quan còn bị hạn chế hơn các tôn giáo khác, nhất là giai đoạn 1975 - 1986. Nhưng đạo Tin Lành từ năm 1986 đến nay đã lan rộng ra không chỉ ở Tây Nguyên, những vùng đã có từ trước 1975, mà còn ở nhiều địa bàn khác trong nước như: Tây Bắc, Hà Nội, nam Trường Sơn,...

Thứ hai, số lượng tín đồ trước năm 1975 của miền Nam chỉ khoảng 60.000 - 70.000 người, đến năm 2001, cả nước đã có 509.000 người. Năm 2004, riêng số tín đồ Tin Lành là người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên ước tính khoảng 286.213, đến năm 2005, khoảng 288.099 người như đã trình bày ở phần trên.

Thứ ba, trước năm 1975, đạo Tin Lành chỉ phát triển ở vùng đô thị và xung quanh khu vực đồn trú của quân đội Mỹ - ngụy. Tín đồ chủ yếu là dân thành thị, công chức, binh lính và gia đình của họ. Hiện nay, đạo Tin Lành đã lan đến các vùng căn cứ địa cách mạng, vùng sâu vùng xa, các dân tộc thiểu số, có cả cán bộ, đảng viên, giáo viên và bộ đội là tín đồ của đạo Tin Lành.

Với những cứ liệu trên, có thể khẳng định rằng, đây là sự phát triển mạnh mẽ của đạo Tin Lành, trong đó có sự trở lại đạo của một bộ phận tín đồ trước năm 1975.

Thực tế còn cho thấy, có sự chia rẽ trong nội bộ các tín đồ Tin Lành ở Tây Nguyên nói chung và nhất là tín đồ người Kinh với tín đồ là người dân tộc thiểu số tại chỗ nói riêng. Điều này được thể hiện tương đối rõ qua sự hình thành và phát triển của "Tin Lành Đegar" ở Tây Nguyên, hay "Tin Lành Vàng Chữ" và "Tin Lành Thìn Hùng" ở miền núi phía Bắc nước ta. Trong số này, "Tin Lành Đegar" thực chất là một trong những thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước nhằm lôi kéo, tập hợp những người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên theo đạo Tin Lành hình thành một "tổ chức" Tin Lành riêng, tách biệt với Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã được Nhà nước ta công nhận, mục đích là để lập thành "quốc giáo" cho cái gọi là "nhà

nước Cộng hoà Đega" tự lập, tự phong tại Mỹ, do Ksor Kok cầm đầu². Mục đích sâu xa còn là nhằm khoét sâu và chia rẽ các tín đồ Tin Lành Kinh - Thượng, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc do Đảng và Nhà nước khởi xướng và dày công vun đắp. Thông qua đó, lợi dụng vấn đề tôn giáo tín ngưỡng gắn với vấn đề dân tộc để vu cáo, xuyên tạc tình hình Tây Nguyên nước ta với cộng đồng quốc tế. Đồng thời tuyên truyền, lôi kéo, kích động người dân tham gia vào các hoạt động chống phá đất nước, nhằm từng bước đạt được mục đích chính trị phản động cao nhất là thành lập một "nhà nước Cộng hoà Đega" tự trị hay độc lập tại Tây Nguyên. Do thấy rõ được bản chất này, nên ngay sau khi được công nhận và tiến hành Đại hội đồng, tháng 4 năm 2001 Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã ra văn thư gửi tất cả các chi hội, chức sắc và tín đồ, trong đó nhấn mạnh rằng: *Toàn thể Hội thánh, đặc biệt Hội thánh tại khắp vùng Tây Nguyên phải hết sức cảnh giác và có thái độ từ chối dứt khoát đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào tự xưng là Tin Lành Đega*.

Về một khía cạnh nhất định, có thể nói "Tin Lành Đega" đã bước đầu tạo ra được một niềm tin và một tổ chức tôn giáo khác với Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã được Nhà nước ta công nhận. Về số lượng ngày càng có nhiều tín đồ, tổ chức của chúng đã đứng chân và phát triển không chỉ trên diện rộng, mà còn len lỏi đến từng thôn buôn của Tây Nguyên. Cụ thể là: tháng 9 năm 2000, số cầm đầu cái gọi là "Nhà nước Cộng hoà Đega" và "Tin Lành Đega" tại Mỹ đã quyết định thành lập "Ban trị sự" của "Hội thánh Tin Lành Đega" ở tỉnh Gia Lai gồm 8 thành viên do R'lan Ngòi (Ama Chăm) ở làng Pa Pét xã Bngoon huyện Chư Sê làm Hội trưởng;

sau đó tiếp tục công khai hoá "Ban trị sự" của "Hội thánh Tin Lành Đega" tại huyện Ea Hleo tỉnh Đăk Lăk. Bên cạnh đó còn thành lập các "Ban chấp sự" ở các thôn buôn, mà người đứng đầu tổ chức "Tin Lành Đega" ở các buôn làng tự xưng là *Khoa sing yang* - người nhà trời. Chúng đã huy động được một đội ngũ đông đảo là người dân tộc thiểu số tại chỗ tham gia truyền đạo và truyền truyền cho "Nhà nước Cộng hoà Đega", phát tán tài liệu trái phép và cung cấp thông tin trở lại cho chúng. Theo các cơ quan chức năng, đến tháng 12 năm 2002, tại tỉnh Gia Lai các đối tượng cầm đầu đã lôi kéo được khoảng 19.000 người tham gia "Tin Lành Đega" ở 8/13 huyện và thành phố của tỉnh. Lực lượng này cơ cấu thành hai hội thánh là Hội thánh Gia rai và hội thánh Ba na, với 2 ban chấp sự và 16 đối tượng cốt cán. Tại tỉnh Đăk Lăk, đã thành lập được 5 chi hội "Tin Lành Đega" với 96 chấp sự [Viện Nghiên cứu tôn giáo, 2005]. Theo báo cáo chưa đầy đủ của năm 2004, riêng các điểm nóng về "Tin Lành Đega" ở Tây Nguyên đã có khoảng 50 điểm và 30.000 tín đồ.

Một điểm cũng cần chú ý là "Tin Lành Vàng Chử" ở người Hmông, "Tin Lành Thìn Hùng" ở người Dao hiện đã theo bước chân di cư của người Hmông, người Dao và tập trung số lượng người theo đạo khá lớn tại Tây Nguyên. Theo nhận xét chung, mặc dù hiện nay những người theo các đạo này chưa có những hoạt động tôn giáo đáng chú ý, nhưng vẫn sinh hoạt đạo một cách có tổ chức, liên kết với nhau rất chặt chẽ. Trong thời gian tới, sau khi đã ổn định đời sống và được nhập khẩu tại địa phương, chắc chắn họ sẽ có những hoạt động tôn giáo không kém phần phức tạp so với "Tin Lành Đega" ở người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên.

2. Nguyên nhân của thực trạng trên

Một trong những câu hỏi chính đặt ra là tại sao trước đây được ưu đãi và hậu thuẫn to lớn nhưng Tin Lành phát triển rất chậm, gần đây mặc dù chưa được công nhận và cho phép hoạt động nhưng Tin Lành lại phát triển ngày càng

² Căn khẳng định rằng, không phải tất cả tín đồ Tin Lành người dân tộc tại chỗ Tây Nguyên đều theo "Tin Lành Đega". Tương tự như vậy, cũng không phải tất cả những người tham gia biểu tình năm 2001 và bạo loạn năm 2004 đều theo "Tin Lành Đega" hay có tư tưởng về một "nhà nước cộng hoà Đega" tự trị hay độc lập.

manh mẽ, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số, trong khi nền tảng chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội mà trực tiếp là niềm tin tôn giáo và đời sống tâm linh truyền thống của những người dân theo đạo là cơ bản khác biệt với đạo Tin Lành?

* Về vấn đề này, các nhà quản lý và nghiên cứu trong nước đã có một số cách lý giải khác nhau, trong đó tập trung vào luồng ý kiến sau đây: *Do trình độ dân trí của người dân thấp và đời sống vật chất còn khó khăn nên đã bị các tổ chức tôn giáo và những thế lực thù địch ở trong và ngoài nước lợi dụng lôi kéo.*

Điều này đúng, bởi thực tế cũng đã chứng minh cho quan điểm trên, đó là: Hiện nay người dân theo Tin Lành hay Công giáo ở Tây Nguyên phần lớn cư trú tại vùng sâu vùng xa, là đồng bào dân tộc thiểu số hiện gặp nhiều khó khăn về đời sống kinh tế và chưa được đáp ứng nhu cầu đời sống văn hoá tinh thần. Chẳng hạn ở tỉnh Gia Lai, tại Thị xã Plây Ku, năm 1998 số tín đồ Tin Lành chỉ tăng 15,3% so với năm 1996, nhưng ở huyện Mang Yang là 170% và huyện Krông Pa là 111%. Số liệu thống kê cho thấy, hai huyện này có tới 70% số hộ thiếu đói từ 1 đến 6 tháng một năm, thu nhập bình quân thấp hơn từ 1,5 đến 2 lần so với vùng khác, tỉ lệ người dân được xem kịch là 0,8%, xem phim và băng hình là 5,8% và nghe đài là 20,6% [Trần Xuân Dung 2000]. Lịch sử Việt Nam và nhiều nơi trên thế giới cũng đã cho thấy, khi đời sống kinh tế và xã hội càng khó khăn thì tỉ lệ người dân theo tôn giáo cũng tăng vọt lên, lý do là họ tìm nguồn động viên và an ủi trước những khó khăn của cuộc sống hàng ngày và hy vọng một cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai. Chẳng hạn, người Hmông ở miền Bắc nước ta theo đạo Công giáo trước đây và sau đó chuyển sang đạo Tin Lành tăng đột biến kể từ khi Nhà nước ta xoá bỏ chế độ bao cấp và cây thuốc phiện - cả hai yếu tố này luôn mang lại lợi ích nhiều mặt về kinh tế cho người Hmông, nhưng bước đầu của sự chuyển đổi bao giờ cũng có khó khăn. Điều này rất đúng với luận điểm

của Chủ nghĩa Mác - Lê nin, đó là: *Nghèo đói bao giờ cũng là cơ hội của Chúa.*

Trong khi đó, nhằm lôi kéo người dân theo đạo Tin Lành, các tổ chức tôn giáo và thế lực thù địch ở trong và ngoài nước đã sử dụng tất cả các phương tiện thông tin như kinh sách, đài, băng nói và băng hình, sách báo, tạp chí, tài liệu, viễn thông, thư tín,... thông qua hoạt động khác nhau như du lịch, các chương trình dự án hỗ trợ phát triển cộng đồng, nghiên cứu khoa học, hoạt động từ thiện nhân đạo, thăm thân, biếu tặng;... dựa vào các mối quan hệ xã hội hiện có, lợi dụng người thủ lĩnh hay người có uy tín trong cộng đồng, người cùng dân tộc, người trong dòng họ và gia đình;... để tìm mọi cách phát tán tài liệu, tuyên truyền, lôi kéo kể cả ép buộc người dân theo đạo. Những hoạt động này, một mặt có tạo điều kiện để nâng cao một phần nào đó đời sống cho người dân, có thêm kinh phí để xây dựng, tu bổ và phát triển tôn giáo; nhưng mặt khác, cũng bị lợi dụng để truyền đạo và lôi kéo người dân theo đạo một cách trái phép, phát tán tài liệu xuyên tạc và nói xấu chế độ nhằm kích động người dân chống phá chính quyền; truyền bá các loại văn hoá phẩm độc hại nhằm tạo ra các tệ nạn xã hội và những tư tưởng lệch lạc, làm mất ổn định xã hội và phá vỡ bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc; góp phần tạo ra tâm lý “vọng ngoại” và “dựa dẫm” của một số tín đồ và người dân vào sự trợ giúp từ bên ngoài.

Một số chức sắc và tín đồ tôn giáo đã có hành vi quá khích vi phạm luật pháp và quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng của con người, như: Lôi kéo và ép buộc người trong gia đình, dòng họ và cộng đồng theo đạo; buộc các tín đồ trong cộng đồng tẩy chay các chính sách của Đảng và Nhà nước; thậm chí phá hoại kinh tế, khủng bố tinh thần nhân dân và cán bộ địa phương, nhằm đe dọa con người và chống phá chính quyền.

Hơn thế nữa, sự truyền đạo Tin Lành được áp dụng dưới nhiều hình thức và thực dụng, như: sinh hoạt đơn giản và linh hoạt tại những điểm

cố định và không cố định, như nhà riêng, trong rừng, trên nương rẫy,...Sử dụng đội ngũ "chứng đạo viên" và "chấp sự" là người dân tộc tại chỗ để truyền đạo theo kiểu "vết dầu loang" trong việc phát triển đạo Tin Lành ở Tây Nguyên. Nhất là tìm mọi cách dân tộc hoá, địa phương hoá Tin Lành trong những nội dung và điều kiện cụ thể phù hợp với lịch sử và tâm lý các dân tộc, như: Đạo Vàng Chứ ở người Hmông, Đạo Thìn Hùng ở người Dao và "Tin Lành Đê ga" ở các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên.

Riêng "Tin Lành Đê ga", để lôi kéo được nhiều người tham gia, những thành phần cầm đầu ở trong và ngoài nước đã dùng mọi thủ đoạn từ tuyên truyền, xuyên tạc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, đến lôi kéo, kích động, dọa dẫm, ép buộc đồng bào tham gia biểu tình, bạo loạn hay chỉ cần ghi tên tham gia. Lợi dụng các buổi sinh hoạt tôn giáo để xuyên tạc và kích động người dân theo đạo. Trong các buổi giảng đạo trái phép này, những kẻ cầm đầu thường mở băng cát xét hay gọi điện thoại để mọi người nghe Ksor Kok trực tiếp kêu gọi tách ra thành lập "Tin Lành Đega" riêng, chống lại các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta, như: Không đóng thuế, không thực hiện kế hoạch hoá gia đình, không cho trẻ em uống vắc xin phòng bệnh, không vay tiền ngân hàng, không nhận nhà tình nghĩa hay kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà của Nhà nước và chính quyền địa phương,...

* Mặc dù vậy, cách lý giải trên đúng nhưng chưa đủ, phần nào còn thiên về ý kiến chủ quan đổ lỗi cho những tác động từ bên ngoài - khách quan và sự kém "hiểu biết" của người dân, mà làm nhẹ đi yếu tố chủ quan - bên trong của chúng ta. Nói như vậy, bởi lẽ hình như quan điểm giải thích ở trên đã không xuất phát từ việc phải tập trung vào trả lời cho câu hỏi: Tôn giáo tín ngưỡng có ý nghĩa như thế nào trong đời sống tinh thần của con người nói chung và các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên nói riêng trong suốt

chiều dài lịch sử, nhất là khi họ đang phải đối mặt với sức ép của sự thay đổi trong đời sống văn hoá, xã hội và kinh tế như hiện nay? Tại sao đạo Tin Lành lại phát triển nhanh đến như vậy trong một môi trường tưởng như không có chỗ cho nó đứng chân? Trả lời được các câu hỏi này, sẽ cho phép nghĩ đến một sự thật hiển nhiên, trước hết sinh hoạt tôn giáo là một nhu cầu thực tế của một bộ phận người dân, nhất là khi xã hội phát triển, con người sẽ có những khoảng trống và khủng hoảng nhất định vào các giá trị và niềm tin truyền thống. Do đó, để góp phần tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của sự phát triển đạo Tin Lành hiện nay tại Tây Nguyên, có lẽ nên bắt đầu từ việc cần phải tách bạch rõ ràng để xem xét giữa hoạt động truyền đạo kể cả lôi kéo lợi dụng với việc người dân theo đạo, tách bạch giữa sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng của người dân với việc lợi dụng tôn giáo tín ngưỡng. Cụ thể là phải tìm hiểu về những yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá, lịch sử và tâm lý tộc người dẫn đến việc người dân theo đạo, hơn là chỉ cho rằng đó là do truyền đạo, do người dân kém hiểu biết nên bị lôi kéo lợi dụng, chỉ vì những cám dỗ trước mắt về vật chất hay bị ép buộc phải theo đạo,...

Trước hết cần phải khẳng định lại rằng, việc tin và thực hành một tôn giáo tín ngưỡng là nhu cầu tinh thần thực sự của một bộ phận dân chúng. Đồng thời, việc chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng kể cả những thay đổi nội tại của bản thân tôn giáo tín ngưỡng đó hay chuyển sang theo một tôn giáo tín ngưỡng hoàn toàn khác là điều đương nhiên và hoàn toàn phù hợp với qui luật phát triển. Vấn đề đáng bàn là sự biến đổi đó do đâu mà có và ảnh hưởng của nó đối với xã hội ra sao, để có thái độ ứng xử và những chính sách điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước và từng vùng.

Do tác động của nền kinh tế thị trường và ảnh hưởng của đời sống xã hội hiện đại, trong đời sống tinh thần của người dân hiện nay, các tín ngưỡng truyền thống không còn hoặc còn rất ít

vai trò trong xã hội. Trong khi đó, đạo Tin Lành nói riêng và Thiên chúa giáo nói chung là tôn giáo mang tính thế giới hiện đại và gắn chặt với nền kinh tế thị trường, nên đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tinh thần hiện nay của người dân. Thực tế cho thấy, về phương diện nào đó đạo đức và lối sống của Tin Lành và Công giáo phù hợp với những chuẩn mực của xã hội hiện đại, như: Tiết kiệm, tận tụy với công việc, định hướng vào gia đình và xã hội, cởi mở và dân chủ, đề cao vai trò cá nhân trước cộng đồng,...

Hiện đại hoá và công nghiệp hoá, một mặt nó chỉ sự chuyển biến của xã hội Âu – Mỹ từ khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật bắt đầu, nhưng mặt khác, lại chỉ ra ảnh hưởng của công cuộc hiện đại hoá này của Âu – Mỹ gây nên cho tiến trình thế giới. Một xã hội công nghiệp hoá, đô thị hoá và hiện đại hoá cao độ, một mặt không thể phủ nhận những ảnh hưởng tích cực to lớn của nó đến đời sống xã hội và con người, Max Weber đã chỉ rõ: *Thời đại của chúng ta là một thời đại lý tính hoá, lý trí hoá, là một thời đại thế giới rũ bỏ bùa mê phù thuỷ, ... Nhưng mặt khác, đó cũng là nguyên nhân của sự lạnh nhạt trong mối quan hệ giữa con người với con người, nhịp sống ngày càng căng thẳng, tính vô định của số phận cá nhân, các mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, kể cả cộng đồng họ hàng và tôn giáo ngày càng lỏng lẻo, con người không muốn bị ràng buộc vào các giáo lý, nghi thức và thiết chế phức tạp và tốn kém của tôn giáo, ...* Trước những tác động tiêu cực đó, tôn giáo truyền thống không thể đáp ứng thoả mãn nhu cầu tôn giáo của con người nữa. Chính vì vậy, con người có xu hướng tìm đến các tôn giáo đơn giản và ít sự ràng buộc hơn, hay chỉ coi những thực hành tôn giáo như các sinh hoạt văn hoá, thậm chí bỏ tôn giáo truyền thống và không theo một tôn giáo nào nữa. Có thể nói, “sự đau khổ” do hiện đại hoá gây ra một mặt sẽ dẫn đến nhu cầu về tôn giáo và mặt khác những tác động tích cực của nó sẽ làm giảm bớt vai trò của tôn giáo.

Tâm lý xác định và phân biệt sự khác nhau về không gian và bản sắc văn hoá giữa các dân tộc. Đó là mong muốn tạo ra và giữ được khoảng cách hay sự khác biệt giữa mình với các dân tộc khác. Trong khi rời xa tôn giáo tín ngưỡng truyền thống vì nó không còn phù hợp với xã hội hiện đại nữa, nhưng người dân vẫn muốn có được một ranh giới nhất định giữa mình với các dân tộc xung quanh, mà một trong những biểu hiện của sự khác biệt đó chính là niềm tin và thực hành tôn giáo tín ngưỡng. Bên cạnh đó, theo đạo Tin Lành, các tín đồ là người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên vẫn được sử dụng ngôn ngữ riêng của mình trong sinh hoạt tôn giáo và thành phần chức sắc đa số vẫn là người đồng tộc, điều đó cho phép họ tạo ra một không gian và văn hoá riêng của dân tộc mình, không giống như các tôn giáo khác phải sử dụng ngôn ngữ chung của tôn giáo đó hoặc của dân tộc đa số, như Đạo Phật và Đạo Hồi chẳng hạn. Những vấn đề này đã được nhiều người nêu ra không chỉ ở Tây Nguyên mà còn tại nhiều nước khác ở Châu Á.

Một yếu tố quan trọng là sự suy yếu của các thiết chế xã hội truyền thống, sự khủng hoảng niềm tin và thiếu hụt những sinh hoạt văn hoá tinh thần truyền thống, nhất là trong tôn giáo tín ngưỡng của đại bộ phận các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên. Có thể nói, trước năm 1954, dù đã có tác động của các điều kiện bên ngoài, nhưng đại đa số người dân Tây Nguyên vẫn sống trong một môi trường tự nhiên và xã hội còn tương đối sơ khai, mà đặc trưng là tinh thần yêu chuộng tự do, ý chí quật cường, tính thật thà thuần phác, ... Từ sau năm 1954, do nhiều nguyên nhân khác nhau, người dân đã phải hoà vào một xã hội mới với các điều kiện và chuẩn mực sống khác xưa - xã hội hiện đại hay xã hội tiền tư bản chủ nghĩa (từ 1954 đến 1975) và xã hội chủ nghĩa (từ 1975 đến nay), khi họ chưa thực sự sẵn sàng kể cả điều kiện chủ quan và khách quan. Trong một xã hội đó, các chuẩn mực của xã hội truyền thống không còn giữ vị trí quan trọng như trước, hơn thế nữa, có thời kỳ nhiều người còn

tin rằng cần phải xoá bỏ các giá trị đó để thay bằng các chuẩn mực xã hội của dân tộc "văn minh" hơn. Bên cạnh đó, việc phát triển của khoa học kỹ thuật và các hình thức giải trí thời hiện đại đã làm lu mờ và mất dần đi các sinh hoạt, chức năng và vai trò của văn hoá truyền thống, trong đó có tôn giáo tín ngưỡng. Chẳng hạn, người ta thích xem phim chương hơn là đánh cờ tướng, thích hát nhạc vàng hơn là sử thi dân tộc,...

Một trong những yếu tố cũng không kém phần quan trọng, đó là các sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng truyền thống quá phức tạp, tốn kém và buộc người dân phải tuân thủ nghiêm ngặt không chỉ cho mình mà cho cả cộng đồng,... nên nhiều khi đã trở thành "hủ tục" ràng buộc và kìm hãm tính chủ động của các cá nhân trong xã hội hiện đại. Do đó, đạo Tin Lành với sinh hoạt đơn giản, ít tốn kém, lại đề cao vai trò cá nhân, tôn trọng tính dân chủ, khuyến khích tín đồ sống có trách nhiệm với gia đình và xã hội,... đã thu hút người dân theo đạo, rõ ràng là đã giảm bớt sức ép của các nghi thức phiền hà và tốn kém của truyền thống, trong khi cuộc sống hiện tại còn nhiều khó khăn, nhất là tìm thấy sự bình đẳng với những người giàu và có quyền lực thông qua tôn giáo. Trong đó, những người hăng hái nhất và đi tiên phong chính là phụ nữ và người nghèo. Điều này cũng hoàn toàn đúng với qui luật lịch sử, lấy đạo Công giáo ở nước ta làm ví dụ. Khi đạo Công giáo bắt đầu truyền bá vào nước ta, những tín đồ đầu tiên và đông đảo nhất là phụ nữ và dân thuyền chài. Kể cả những người phụ nữ quyền quý ở trong hoàng cung, cũng chỉ có các thứ phi, cung tần - tức những người có địa vị thấp kém và luôn bị các hoàng hậu hay chính cung chèn ép mới theo đạo. Nguyên nhân của hiện tượng này được lý giải là do những người này có thân phận thấp kém trong chế độ xã hội phong kiến lấy nho giáo làm nền tảng tư tưởng, nên họ theo đạo để tìm sự bình đẳng và giảm bớt tâm lý ức chế trong cuộc sống.

Nhìn từ một góc độ nhất định, đó còn là một biểu hiện của sự "phản ứng" của người dân đối với thái độ của những bộ phận dân cư khác trong xã hội về cách hiểu, đối xử với văn hoá và lối sống của họ. Khi tôn giáo tín ngưỡng của họ bị người khác coi là "lạc hậu" và "mê tín dị đoan" không phù hợp với cuộc sống hiện đại, cho dù thực tế có đúng như vậy thì con người vẫn cũng cảm thấy không hài lòng với quan điểm đó, bởi vì những gì bị "chê bai" đó là cái gốc lâu đời đã góp phần hình thành và phát triển của một dân tộc. Trong tình hình như vậy, có nhiều tình huống sẽ xảy ra, nhưng thường theo hai hình thức cơ bản là: Cố gắng giữ lại những cái gì được coi là của mình cho dù có bị xem thường, hoặc thay đổi. Trong trường hợp thay đổi cũng có nhiều hướng khác nhau, đó là sự bổ sung và phát triển để hoàn thiện niềm tin và thực nghiệm cái của mình đã có, hoặc bỏ hẳn để tìm đến một hình thức tôn giáo tín ngưỡng khác hoàn toàn mới, nhằm bù đắp lại sự thiếu hụt của đời sống tâm linh truyền thống. Trong khi đó, thực tế ở Tây Nguyên và nước ta cho thấy, tín ngưỡng và tôn giáo truyền thống của các dân tộc trong nước không khác nhau nhiều, hầu hết đều là các hình thức hồn linh giáo, tô tem giáo, sa man giáo, đa thần giáo, thờ cúng tổ tiên,... Thậm chí các tín đồ của đạo Phật, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Cao Đài, Hoà hảo,... vẫn tin và thực hành một số yếu tố tôn giáo tín ngưỡng truyền thống trên. Do đó, việc người dân tại chỗ Tây Nguyên lựa chọn các tôn giáo khác du nhập từ bên ngoài vào, nhất là Tin Lành cũng là điều dễ hiểu. Bởi theo họ, đây là sự lựa chọn và thay thế hợp lý do nhiều lý do khác nhau, trong đó nổi lên các yếu tố sau: Tin Lành là tôn giáo lớn, tôn giáo thế giới và theo xu thế cải cách, hiện đại, là tôn giáo của một bộ phận dân cư được coi là "phát triển" trên thế giới. Như vậy, khi họ gia nhập vào tôn giáo đó, nghĩa là họ đã vượt qua được những rào cản của tôn giáo địa phương và trở thành thành viên của cộng đồng tôn giáo xuyên quốc gia và trở thành một phần của xã hội hiện đại. Nghĩa là theo cách hiểu

đơn giản nhất, khi họ theo đạo Tin Lành đồng nghĩa với việc không còn bị coi là "lạc hậu" và "chậm tiến" nữa, mà ngược lại, trong tâm lý của họ đã thoả mãn được một điều là bây giờ họ đã "phát triển" và "hiện đại" hơn bộ phận dân cư đã từng "tự cho là phát triển" hơn họ [Oscar Salemink 2002].

Sự phân hoá xã hội, nhất là khoảng cách giữa giàu và nghèo, quyền hưởng dụng và quản lý tài nguyên giữa bộ phận dân cư tại chỗ và mới đến, giữa vai trò và vị trí của bộ phận dân cư mới đến và người dân thiểu số tại chỗ trong hệ thống chính trị và chính quyền cơ sở, đã khiến lòng tự trọng của một bộ phận người dân tộc thiểu số tại chỗ bị tổn thương và ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các dân tộc. Do đó đã và đang diễn ra tình trạng một bộ phận người dân tại chỗ chuyển đi nơi khác sinh sống, chủ yếu lùi vào vùng sâu vùng xa tiếp tục phá rừng làm rẫy, bộ phận còn lại sống trong vùng xen canh xen cư với những người dân mới đến thường có tâm lý "co cụm" lại với nhau. Trong đó, việc theo đạo Tin Lành cũng là một trong những mục đích nhằm cố kết lại với nhau để làm "đổi trọng" với bộ phận dân cư mới đến; và cũng để phần nào tìm sự an ủi hay kỳ vọng vào một phép lạ của tôn giáo về một cuộc sống mới.

Tư tưởng chủ quan, đơn giản và phiến diện của một bộ phận cán bộ địa phương ở Tây Nguyên sau năm 1975 và thậm chí hiện nay cho rằng, Tin Lành là đạo của Mỹ, do Mỹ nuôi dưỡng, bộ phận tín đồ nhỏ bé, tổ chức lỏng lẻo, không thống nhất và có tín ngưỡng mờ nhạt chủ yếu là do lợi ích kinh tế trước mắt, khi Mỹ rút khỏi nước ta hoặc không còn lợi ích vật chất thì chắc chắn Tin Lành sẽ tan rã. Hay tư tưởng cho rằng, Tin Lành Tây Nguyên thực chất là của tổ chức Fulro, sau khi Fulro tan rã thì Tin Lành cũng mất theo.... Tuy nhiên, thực tế đã chứng minh dù có bị lý do vật chất chi phối, dù bé nhỏ và tín ngưỡng mờ nhạt không giống như cộng đồng Tin Lành ở các nước Âu - Mỹ, nhưng sức

sống nội tại và khả năng thích nghi trong điều kiện mới lại rất lớn, bên cạnh đó được các thế lực bên ngoài nuôi dưỡng, đạo Tin Lành đã trở dậy và phát triển mạnh mẽ không chỉ ở Tây Nguyên mà còn ở nhiều nơi khác của nước ta, nhất là trong thời kỳ đổi mới.

Trong khi đó, đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở Tây Nguyên nhất là cấp cơ sở vừa yếu - nói chính xác là không có chuyên môn, lại thiếu - chủ yếu là kiêm nhiệm. Còn các tổ chức tôn giáo và thế lực thù địch lại luôn có sự nghiên cứu chuẩn bị kỹ càng để tìm mọi cách lợi dụng tình hình tôn giáo tín ngưỡng của Tây Nguyên, nhằm kích động, lôi kéo và chia rẽ những người dân theo đạo, nhất là đạo Tin Lành nói chung và "Tin Lành Đega" nói riêng, giữa bộ phận dân cư có đạo và không có đạo,... Điều đó dẫn đến thực trạng Tây Nguyên hiện nay là vấn đề tôn giáo rất phức tạp và khó quản lý, nhưng đội ngũ cán bộ công tác tôn giáo tín ngưỡng lại không đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra. Do đó diễn ra tình trạng nhiều nơi bị chính quyền thả nổi hoặc cố gắng kiểm soát nhưng không đúng cách.

3. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành đối với đời sống các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên

Sự phát triển của đạo Tin Lành và sự chuyển đổi tôn giáo tín ngưỡng của một bộ phận dân cư đã làm thay đổi nhiều yếu tố văn hoá, xã hội của bộ phận tín đồ nói riêng và các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên nói chung, trong đó nổi lên mấy vấn đề sau:

Những người theo đạo Tin Lành không chấp nhận nhiều phong tục tập quán cũ, mà theo họ vừa rườm rà, phức tạp, tốn kém (như thờ các loại thần thánh và ma quỷ, tang ma, cúng bói chữa bệnh,...). Thực hiện nếp sống lành mạnh như bỏ rượu chè, cờ bạc, hút xách, trộm cắp, sống có vệ sinh, đề cao đạo đức và tiết kiệm, chung thủy một vợ một chồng, chăm lo đến gia đình và con cái,... Những thay đổi này, trên nhiều khía cạnh, đã và đang thực sự có những ảnh hưởng tích cực

đến đời sống văn hoá, xã hội, vật chất và tinh thần của bộ phận dân cư theo đạo nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

Tuy nhiên, bộ phận dân cư theo đạo Tin Lành cũng đã và đang bỏ đi nhiều phong tục tập quán, lễ hội truyền thống lâu đời của dân tộc mình; làm thay đổi lối sống và các mối quan hệ trong gia đình, dòng họ và cộng đồng. Do đó, đã làm nảy sinh mâu thuẫn giữa bộ phận dân cư theo đạo và không theo đạo trong nội bộ buôn làng, thậm chí trong từng dòng họ và gia đình. Theo khảo sát tại thôn Đák Gléi, xã Đák Nuê, huyện Lắk, tỉnh Đák Lắk năm 2004 cho thấy, bộ phận theo đạo Tin Lành sống tương đối cục bộ, khép kín, tính cố kết cộng đồng truyền thống không được như trước. Trong quan hệ cộng đồng, người theo đạo chê người giữ tín ngưỡng truyền thống là lạc hậu, bảo thủ; còn người giữ tín ngưỡng truyền thống lại dè bủ người theo đạo Tin Lành là mất gốc, bỏ ông bà tổ tiên. Do đó, trong các sự kiện quan trọng của gia đình hay cộng đồng, nếu diễn ra ăn uống thì phải bố trí chỗ ngồi thành các mâm riêng cho người theo đạo Tin Lành và không theo đạo. Khi có người chết, gia đình, dòng họ và cộng đồng chia thành hai phe, một bên đòi phải làm lễ tang theo nghi thức của đạo, còn bên kia lại yêu cầu được tổ chức theo nghi lễ truyền thống. Chính vì vậy, một số nơi đã có tình trạng những người theo tín ngưỡng cổ truyền bỏ đi lập làng mới để làng cũ lại cho những người theo Tin Lành hay Công giáo. Hiện tượng, mâu thuẫn gia đình nảy sinh, thậm chí phải chia ly do bố mẹ và con cái, giữa các anh chị em theo đạo và không theo đạo... đã và đang diễn ra ở một số nơi của Tây Nguyên.

Sự phát triển của đạo Tin Lành nhất là "Tin Lành Đê ga" đã và đang làm biến đổi những quan hệ xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên, dẫn đến ly khai, chia rẽ, rất dễ bị kích động, lợi dụng để đòi độc lập, tự trị và hình thành tư tưởng "quốc giáo". Vai trò và uy tín của già làng, trưởng thôn buôn

các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể giảm dần trong những tín đồ theo đạo và cả những người không theo đạo. Trong khi đó, vai trò, uy tín và ảnh hưởng của các chức sắc tôn giáo ngày càng tăng lên trong vùng dân tộc thiểu số tại chỗ, nhất là những buôn làng theo đạo. Kết quả khảo sát tại tỉnh Gia Lai năm 1999 cho thấy, khi gia đình tín đồ gặp khó khăn, đã được các tín đồ khác giúp đỡ là 55,5%, chức sắc tôn giáo giúp đỡ là 6,94%, già làng giúp đỡ 0%. Chỉ có 4,1% tín đồ hỏi ý kiến già làng, trong khi đó, hỏi ý kiến bạn bè là 15,28% và hỏi ý kiến mục sư và người truyền đạo là 27,78%. Nhiều nơi, đội ngũ cốt cán tôn giáo còn tổ chức, vận động tín đồ tham gia bầu cử cán bộ chủ chốt theo ý đồ riêng, thậm chí còn tìm cách "phế truất" đội ngũ cán bộ cơ sở được bầu hợp pháp [Trần Xuân Dung 2000].

Một vấn đề rất đáng quan tâm nữa là, "Tin Lành Đê ga" đã và đang gây ra sự mất ổn định tình hình kinh tế, chính trị và xã hội ở Tây Nguyên. Trong vụ biểu tình năm 2001 (khi Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) chưa được Nhà nước ta công nhận) tại tỉnh Gia Lai có 6.714 tín đồ Tin Lành tham gia, chiếm 68,93%; còn ở tỉnh Đák Lắk số tín đồ Tin Lành tham gia biểu tình chiếm 72,86%. Vụ bạo loạn năm 2004, (khi Hội thánh Tin Lành Việt Nam đã được Nhà nước ta cho phép hoạt động và ở Tây Nguyên đã có 25 chi hội với 37.018 tín đồ được công nhận) thì 100% số người tham gia bạo loạn ở Gia Lai là tín đồ Tin Lành chưa được công nhận; còn tại Đák Lắk 91,98% số người tham gia cũng là tín đồ Tin Lành chưa được công nhận. Nguy hiểm hơn, các thành phần quá khích còn vào trường học bắt một số giáo viên và học sinh phải cùng tham gia bạo loạn. Trong dịp lễ Noel năm 2004, chúng đã có âm mưu kích động bộ phận dân chúng ở 70 làng, 33 xã thuộc 12 huyện và thành phố của 3 tỉnh Gia Lai, Đák Lắk, và Đák Nông chuẩn bị biểu tình, bạo loạn và vượt biên ô ạt sang Căm Pu Chia hồng quốc tế hoá vấn đề người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Tình hình trên không chỉ làm đình trệ các hoạt động sản

xuất của người dân và các tổ chức kinh tế của địa phương, mà còn làm giảm mức độ đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vào Tây Nguyên; gây mất đoàn kết giữa các gia đình, dòng họ, cộng đồng, dân tộc; làm mất trật tự an toàn xã hội;...

4. Một số nhận xét thay kết luận

Một trong những nhận thức cần khẳng định, đó là: Vấn đề tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay, đặc biệt đạo Tin Lành là tổng hợp của nhiều vấn đề bức xúc trong vùng như: Đa dạng và phức tạp về thành phần tộc người đã dẫn đến sự đa dạng về văn hoá, xã hội, chính trị và thể chế chính trị và hoàn cảnh kinh tế,... từ đó dẫn đến mâu thuẫn về sinh hoạt văn hoá, mâu thuẫn thể chế xã hội, mâu thuẫn dân tộc, mâu thuẫn về quyền sử dụng và hưởng dụng tài nguyên thiên nhiên và phân bổ lợi ích kinh tế; sự phân hoá xã hội và cách biệt giàu nghèo ngày càng lớn do nhiều yếu tố gây ra, trong đó có yếu tố tham ô, tham nhũng, thoái hoá biến chất của một bộ phận cán bộ công chức nhà nước, lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính,... Những yếu tố trên làm tăng sự cách biệt giữa lợi ích quốc gia và lợi ích tộc người, làm suy giảm và mất niềm tin của người dân vào Đảng, cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Và như vậy, trong một chừng mực nhất định, đã và đang "đẩy" người dân đến với đạo Tin Lành.

Quan điểm cho rằng, sự phát triển của đạo Tin Lành trong thời kỳ đổi mới chỉ là sự trở lại đạo là chưa hoàn toàn đúng với bản chất sự việc. Thực tế cho thấy, đây là một thời kỳ phát triển mới rất nhanh về số lượng và bước đầu có chất lượng. Nhận thức như vậy, chúng ta mới có cách nhìn nhận và tiếp cận đúng với tình hình thực tiễn đang đặt ra. Hơn thế nữa, cần phải xác định rõ việc người dân theo đạo Tin Lành hay các tôn giáo khác không chỉ đơn giản là do truyền đạo, người dân bị lợi dụng do yếu tố vật chất lôi kéo hay dân trí thấp, mà còn do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác, như: Sự lựa chọn của chính người dân; do đặc điểm lịch sử và tâm lý

tộc người; sự phân hoá xã hội và mâu thuẫn xã hội; tác động của các chính sách của Trung ương và địa phương; thái độ và ứng xử của các bộ phận dân cư đối với nhau,...

Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với đạo Tin Lành và quan điểm xem xét công nhận và cho phép Tin Lành hoạt động ở những nơi người dân có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thực sự là hoàn toàn đúng đắn trong tình hình mới. Tuy nhiên, đề xuất của một số địa phương là cần phải xem xét công nhận và cho phép hoạt động càng sớm càng tốt trên toàn Tây Nguyên, không những thế còn cho phép mỗi buôn làng được thành lập một Chi hội và xây dựng một nhà nguyện, cần phải xem xét lại một cách thận trọng trong mối tương quan với tình hình chính trị quốc tế, khu vực và trong nước, với các tôn giáo khác, cũng như năng lực của đội ngũ cán bộ công tác tôn giáo ở trong nước nói chung và Tây Nguyên nói riêng.

Chủ trương tăng cường đầu tư đa dạng hoá ngành nghề và các hình thức kinh tế khác nhau cũng như nâng cao trình độ dân trí và trình độ kỹ thuật thông qua giáo dục và đào tạo để phát triển kinh tế - xã hội, nhằm ổn định và nâng cao đời sống cho người dân tại chỗ nói riêng và toàn vùng Tây Nguyên nói chung là hoàn toàn đúng. Tuy nhiên, đề xuất của một số cán bộ và ban ngành của địa phương hiện nay là cần phải ưu tiên đầu tư hỗ trợ cho những vùng theo đạo Tin Lành nhất là các điểm nóng về "Tin Lành Đega" cần phải xem xét lại một cách thận trọng. Vấn đề đặt ra để thảo luận là tại sao chúng ta cứ phải thực hiện sự ưu tiên theo dân tộc, theo tôn giáo và theo vấn đề "nóng", mà không phải đầu tư theo vùng, trong đó có cả người dân tộc thiểu số và người theo đạo? Nếu cứ thực hiện theo hình thức "nóng đâu đầu tư đấy" như đã làm trong những năm qua mà không có một tầm nhìn tổng thể, e rằng sẽ gây hiệu ứng dây chuyền - nghĩa là người dân sẽ theo đạo Tin Lành để được nhận sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ đạo Tây Nguyên 2006, *Báo cáo Tổng hợp tình hình và công tác vận động quần chúng Tây Nguyên*, Thành phố Buôn Mê Thuột.
2. Khổng Diễn 2005, *Những vấn đề bức xúc về dân tộc ở nước ta hiện nay*, Báo cáo kết quả nghiên cứu, Hà Nội.
3. Trần Xuân Dung 2000, "Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách tôn giáo trong vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên", trong *Nghiên cứu lý luận*, số 3, tr. 42- 44, Hà Nội.
4. Gerald Cannon Hickey 1982, *Sons of the Mountains-Ethnohistory of the Vietnamese Central Highlands to 1954*, Yale University Press, USA.
5. Gerald Cannon Hickey 1982, *Free in the Forest-Ethnohistory of the Vietnamese Central Highland 1954 - 1976*, Yale University Press, USA.
6. Nguyễn Văn Minh 2004, *Bước đầu tìm hiểu về Tổ chức người Thượng và cái gọi là "nhà nước cộng hoà để gá" ở Tây Nguyên*, Báo cáo tại Hội nghị Thông báo Dân tộc học, Hà Nội.
7. Oscar Salemink 2002, *Tại sao người Tây Nguyên Việt Nam lại theo đạo Tin Lành (Why do Vietnam's Central Highlanders Convert to Protestantism?)*, Báo cáo khoa học.
8. Hoàng Kông Tư 1998, *Fulro ở Tây Nguyên - Thực trạng và giải pháp*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài cấp bộ, Bộ Công an, Hà Nội.
9. Viện Nghiên cứu tôn giáo 2002, *Những vấn đề cấp bách về tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số của nước ta hiện nay*, Báo cáo kết quả nghiên cứu, Hà Nội.
10. Viện Nghiên cứu tôn giáo 2005, *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài độc lập cấp Nhà nước, Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Xuân 2004, *Việc truyền đạo và theo đạo Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên và Tây Bắc*, Báo cáo tại Hội nghị Thông báo Dân tộc học, Hà Nội.
12. Báo An ninh thế giới số 378 ngày 22 - 4 - 2004.
13. Báo An ninh Thủ đô số 1236 ngày 25 - 5 - 2004.
14. Các website của các Tổ chức người Thượng tại Mỹ.
15. Các website của "Hội những người bạn Mỹ" và "Các lực lượng đặc biệt Mỹ".
16. Website của Tổ chức theo dõi Nhân quyền.
17. Các báo cáo của tỉnh Gia Lai, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Đắk Nông và tỉnh Lâm Đồng.



Người Cor